

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam

Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

ĐT : 072 . 3849932-33 Fax : 072. 3849931

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2012

Kết thúc vào ngày 30/09/2012

NỘI DUNG

- | | |
|---|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2012 | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2012 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến 30/09/2012 | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2012 | : 12 trang |

Tháng 10 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

Báo cáo tài chính quý III
năm 2012
Mẫu số : Q -01d

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2012)	Số đầu kỳ (30/06/2012)
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19 148 918 104	22 072 138 994
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1 505 668 056	1 590 476 759
1. Tiền	111	V.01	247 668 056	362 476 759
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		30 421 683	162 568 000
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		217 246 373	199 908 759
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112		1 258 000 000	1 228 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13 900 956 337	15 458 857 705
1. Phải thu của khách hàng	131		24 480 130 275	26 369 343 149
2. Trả trước cho người bán	132		377 296 076	3 819 940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	132 123 552	174 288 182
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-11 088 593 566	-11 088 593 566
IV. Hàng tồn kho	140		2 330 764 616	3 316 438 296
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2 330 764 616	3 316 438 296
- Hàng mua đang đi trên đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		1 582 794 923	2 550 010 230
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		213 465 576	231 923 949
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1 411 529 095	1 706 366 234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		539 343 272	929 589 887
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	19 399 285	19 399 285
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		852 786 538	757 377 062
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		17 978 672 473	18 946 536 662
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		10 677 337 625	11 399 960 221
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	7 676 380 048	6 809 763 315
- Nguyên giá	222		18 910 904 606	16 192 246 705
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-11 234 524 558	-9 382 483 390
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	747 034 651	2 323 245 523

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2012)	Số đầu kỳ (30/06/2012)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225		1 086 595 861	4 065 119 928
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		- 339 561 210	-1 741 874 405
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	2 253 922 926	2 266 951 383
- Nguyên giá	228		2 605 691 260	2 605 691 260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 351 768 334	- 338 739 877
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6 986 989 962	6 986 989 962
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7 398 995 340	7 398 995 340
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		- 412 005 378	- 412 005 378
V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)	260		314 344 886	559 586 479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	48 706 953	64 296 534
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		265 637 933	495 289 945
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		37 127 590 577	41 018 675 656
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		26 578 586 506	29 016 164 752
I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)	310		26 506 260 530	28 830 593 892
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	13 478 703 025	15 275 503 396
- Vay ngắn hạn			13 387 986 598	14 973 668 920
- Nợ dài hạn đến hạn trả			90 716 427	301 834 476
2. Phải trả cho người bán	312		10 541 723 588	11 429 152 036
3. Người mua trả tiền trước	313		1 083 878 000	865 938 000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	296 303 768	199 496 746
5. Phải trả người lao động	315		141 953 977	153 004 116
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	963 698 172	907 499 598
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)	330		72 325 976	185 570 860
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	72 325 976	185 570 860
- Vay dài hạn	327			
- Nợ dài hạn	328		72 325 976	185 570 860
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		10 549 004 071	12 002 510 904
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	10 549 004 071	12 002 510 904
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2012)	Số đầu kỳ (30/06/2012)
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 027 762 786	2 027 762 786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 134 499 474	1 134 499 474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-20 095 958 189	-18 642 451 356
- Lãi chưa phân phối	41A		-20 095 958 189	-18 642 451 356
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	440		37 127 590 577	41 018 675 656

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu				
1. Tài sản thuê ngoài	01	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án	06			

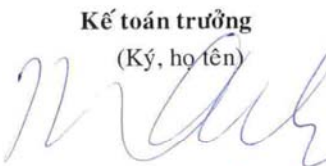
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 17 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)


Phan Văn Vàng


Vũ Xuân Mạch




Phạm Văn Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ III NĂM 2012

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/09/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/09/2011
1	2	3			6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	8.070.326.980	21.646.493.266	25 178 480 271	72 787 239 687
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.070.326.980	21.646.493.266	25 178 480 271	72 787 239 687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8.653.417.490	22.665.048.307	28 285 115 487	70 127 205 268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-583.090.510	-1.018.555.041	-3 106 635 216	2 660 034 419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	347.153.773	46.366.312	472 130 111	699 846 759
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	563.535.532	964.869.402	1 925 158 655	2 855 914 242
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		563.535.532	964.869.402	1 925 158 655	2 855 914 242
8. Chi phí bán hàng	24		120.699.476	154.378.013	578 091 748	581 378 074
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		557.071.019	942.850.893	3 513 156 155	3 162 856 561
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		-1.477.242.764	-3.034.287.037	-8 650 911 663	-3 240 267 699
11. Thu nhập khác	31		214.735.253	2.701.851.203	1 447 016 550	4 973 068 372
12. Chi phí khác	32		190.999.322	954.500.907	1 891 098 588	2 512 260 368
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		23.735.931	1.747.350.296	- 444 082 038	2 460 808 004
14. Phần lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-1.453.506.833	-1.286.936.741	-9 094 993 701	- 779 459 695
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30				93 137 787
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		-1.453.506.833	-1.286.936.741	-9 094 993 701	- 872 597 482
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		- 529	- 468	- 3 309	- 318

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Ngày 17 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)



Phạm Văn Tiến

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày: 01/01/2012 đến ngày: 30/09/2012

Báo cáo tài chính Quý III
năm 2012
Mẫu số: Q - 03d

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III/2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		40 738 443 344	88 569 049 988
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-7 249 971 769	-26 048 727 742
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2 104 713 860	-3 697 400 132
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-1 923 212 897	-2 817 685 242
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		- 341 880 514	-2 139 136 392
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3 699 854 328	4 244 602 821
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-2 238 116 610	-6 238 383 293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20+30+40)	20		30 580 402 022	51 872 320 008
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-2 250 000 000	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1 050 000 000	28 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		470 023 196	661 617 759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		- 729 976 804	689 617 759
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1 382 261 600	700 000 000
4. Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34		-33 420 556 877	-52 513 990 790
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-32 038 295 277	-51 813 990 790
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		-2 187 870 059	747 946 977
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 435 538 115	1 696 514 381
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	247 668 056	2 444 461 358

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Ngày 17 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)



Phạm Văn Tiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 07 đến 30 tháng 09 năm 2012

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (số cũ 5003000119) ngày 14/09/2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh

3- Ngành nghề kinh doanh

- 1- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành : 4290 chính)
- 2- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (mã 46204).
- 3- Bán buôn thủy sản (mã ngành 46322).
- 4- Bán buôn gạo (mã ngành 46310).
- 5- Bán lẻ thủy trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành : 47222).
- 6- *Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thủy lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp , lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí. Bán buôn hóa chất. Bàn lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.*

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý III năm 2012.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán *Việt nam đồng (VND)*

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

3- Hình thức kế toán áp dụng: *Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính*

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

-Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

-Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Theo đó. Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

-Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.

-Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Kiểm kê định kỳ

-Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

-Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
-Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
-Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
-Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
-Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
-Tài sản cố định vô hình	50 năm
-Tài sản thuê tài chính	06 - 10 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

-Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

-Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

-Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

-Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

-Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

-Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.

-Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

01 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
- Tiền mặt	30.421.683	162.568.000
- Tiền gửi ngân hàng	217.246.373	199.908.759
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	1.258.000.000	1.228.000.000
Cộng	1.505.668.056	1.590.476.759
Ghi chú : -Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/09/2012. -Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/09/2012.		
02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng		
03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
- Phải thu khách hàng	24.480.130.275	26.369.343.149
- Trả trước cho người bán	377.296.076	3.819.940
- Các khoản phải thu khác	132.123.552	174.288.182
+ Cty Cho Thuê tài chính Quốc tế VILC	17.869.470	57.227.002
+ Cty Cho thuê Tài chính CILC		
+ Phải thu khác (nợ TK 338)	6.873.815	6.873.815
+ Thuế TNCN phải thu người lao động	39.407.195	40.700.295
+ Phải thu người lao động tiền BHXH	12.469.278	13.983.276
+ Phải thu khác người lao động	47.570.715	47.570.715
+ Phải thu của người bán	7.933.079	7.933.079
+ Phải thu khác		
- Dự phòng phải thu khó đòi	-10.457.687.235	-10.457.687.235
Cộng	14.531.862.668	16.089.764.036

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

04 - Hàng tồn kho	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
+ Giá gốc hàng tồn kho	2.330.764.616	3.316.438.296
- Hàng mua đi đường		
- Nguyên liệu ,vật liệu tồn kho	1.582.794.923	2.550.010.230
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	534.504.117	534.504.117
- Hàng gửi đi bán (*)	213.465.576	231.923.949
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	2.330.764.616	3.316.438.296

-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khớp với biên bản kiểm kê kho tại ngày 30/09/2012.

-(*) : Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 30/09/2012 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phát hành hóa đơn, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

-Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lấp đất trạm trộn bê tông 30 m³/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư & XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/09/2012 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng.

05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	23.669.101	33.365.914
-Chi phí sửa chữa và mua bảo hiểm MMTB	515.674.171	896.223.973
-Chi phí khác		

Cộng	539.343.272	929.589.887
-------------	--------------------	--------------------

06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
-Các khoản tạm ứng cá nhân	852.786.538	757.377.062

Cộng	852.786.538	757.377.062
-------------	--------------------	--------------------

07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT được khấu trừ		
- Các khoản khác phải nộp Nhà nước		
Cộng	0	0

08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	3.202.543.682	3.864.712.799	11.467.708.176	183.546.612	192.393.337	18.910.904.606
Số dư đầu quý	3.202.543.682	3.864.712.799	8.749.050.275	183.546.612	192.393.337	16.192.246.705
-Mua trong quý			3.009.807.067			3.009.807.067
-Đầu tư XDCB hoàn thành						0
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			291.149.166			291.149.166
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý	3.202.543.682	3.864.712.799	11.467.708.176	183.546.612	192.393.337	18.910.904.606
Giá trị hao mòn lũy kế	1.866.288.420	2.456.805.163	6.646.045.409	173.998.777	91.386.789	11.234.524.558
Số dư đầu quý	1.789.457.103	2.330.384.156	5.003.248.137	172.817.035	86.576.958	9.382.483.389
-Khấu hao trong quý	76.831.317	126.421.007	252.351.477	1.181.742	4.809.831	461.595.374
-Tăng khác			1.529.348.192			1.529.348.192
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			138.902.397			138.902.397

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Giảm khác						0
Số dư cuối quý						0
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1.336.255.262	1.407.907.636	4.821.662.767	9.547.835	101.006.548	7.676.380.048
-Tại ngày đầu quý	1.413.086.579	1.534.328.643	3.745.802.138	10.729.577	105.816.379	6.809.763.316
-Tại ngày cuối quý	1.336.255.262	1.407.907.636	4.821.662.767	9.547.835	101.006.548	7.676.380.048

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố
đảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	1.086.595.861	-	-	-	1.086.595.861
Số dư đầu quý		1.086.595.861	2.978.524.067			4.065.119.928
-Thuê tài chính trong quý						-
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác			2.978.524.067			2.978.524.067
Số dư cuối quý		1.086.595.861	-			1.086.595.861
Giá trị hao mòn lũy kế	-	339.561.210	-	-	-	339.561.210
Số dư đầu quý		305.605.089	1.436.269.316			1.741.874.405
-Khấu hao trong quý		33.956.121	93.078.876			127.034.997
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác			1.529.348.192			1.529.348.192
Số dư cuối quý		-				-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính	-	747.034.651	-	-	-	747.034.651
-Tại ngày đầu năm		780.990.772	1.542.254.751			2.323.245.523
-Tại ngày cuối năm		747.034.651				747.034.651

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				2.605.691.260		2.605.691.260
Số dư đầu Quý				2.605.691.260		2.605.691.260
-Mua trong quý						0
-Tạo ra từ nội bộ DN						0
-Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
-Tăng khác						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối năm				2.605.691.260		2.605.691.260
Giá trị hao mòn lũy kế				351.768.334		351.768.334
Số dư đầu quý				338.739.877		338.739.877
-Khấu hao trong quý				13.028.457		13.028.457
-Tăng khác						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý				351.768.334		351.768.334

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				2.253.922.926		2.253.922.926
-Tại ngày đầu năm				2.266.951.383		2.266.951.383
-Tại ngày cuối năm				2.253.922.926		2.253.922.926

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dangSố cuối quý III/2012Số đầu quý (30/06/2012)

- Tổng số chi phí XDCB dở dang

Trong đó (những công trình lớn)

+ NM BTHHBR-VT số 1

12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

13 - Đầu tư dài hạn khácSố cuối quý III/2012Số đầu quý (30/06/2012)

-Đầu tư cổ phiếu (a)

7.398.995.340

7.398.995.340

-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (b)

-412.005.378

-412.005.378

Cộng

6.986.989.962

6.986.989.962

(a) - Là giá trị đầu tư cổ phiếu vào các Công ty sau :

Tên cổ phiếu	<u>30/09/2012</u>		<u>30/06/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ	33	145.340	33	145.340
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP ĐT & PT Hồng Hà	679.685	6.796.850.000	679.685	6.796.850.000
- Đầu tư CP Công ty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu	60.200	602.000.000	60.200	602.000.000
Cộng		7.398.995.340		7.398.995.340

Ghi chú :

(b) - Là giá trị dự phòng tổn thất đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ Phần Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu.

14 - TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁCSố cuối quý III/2012Số đầu quý (30/06/2012)

- Ký quỹ thuê tài chính - Cty cho thuê

265.637.933

423.289.945

tài chính Quốc tế VN (VILC)

-Đặt cọc thuê mặt bằng NMBTHHLA số 2

72.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Thế chấp tài sản Ngân hàng ĐT & TP - CN Phú Nhuận			
Cộng		265.637.933	495.289.945
15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)	
- Vay ngắn hạn	13.387.986.598	14.973.668.920	
+Vay ngắn hạn NH ĐT & PT - CN Phú Nhuận	11.207.986.598	13.003.668.920	
+Vay ngắn hạn Cty CP Đầu tư & Phát triển Hồng Hà			
+Vay ngắn hạn của các cá nhân	2.180.000.000	1.970.000.000	
* Phạm Văn Tiến	2.140.000.000	1.930.000.000	
* Trác Văn Thanh	40.000.000	40.000.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	90.716.427	301.834.476	
+Ngân hàng ĐT & PT - CN Phú Nhuận			
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)	90.716.427	301.834.476	
-Phải trả người bán	10.541.723.588	11.429.152.036	
-Người mua trả trước	1.083.878.000	865.938.000	
-Phải trả tiền lương người lao động	141.953.977	153.004.116	
Cộng	25.246.258.590	27.723.597.548	
Ghi chú :			
-Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 30/09/2012.			
-Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/09/2012			
-Số dư phải trả người bán khớp với biên bản xác nhận công nợ tại ngày 30/09/2012			
16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)	
- Thuế giá trị gia tăng	181.993.009	46.694.971	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
- Thuế xuất, nhập khẩu	5.529.834		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			
- Thuế thu nhập cá nhân			
- Thuế tài nguyên			
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất			
- Các loại thuế khác	108.780.925	152.801.775	
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			
Cộng	296.303.768	199.496.746	
17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)	
-Chi phí lãi vay vốn cố định			
-Chi phí thuê bơm bê tông			
-Chi phí thí nghiệm mẫu			
-Chi phí phải trả khác			
Cộng	0	0	
18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)	
- Tài sản thừa chờ giải quyết			
- Kinh phí công đoàn	505.379.799	494.033.947	
- Bảo hiểm xã hội	133.281.322	105.401.308	
- Bảo hiểm y tế	34.235.806	24.900.191	
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.611.063	10.161.970	
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	60.460.000	60.460.000	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	93.500.000	101.500.000	
- Các khoản phải trả khác	123.230.182	111.042.182	
-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới			
Cộng	963.698.172	907.499.598	
19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối quý III/2012	Số đầu quý (30/06/2012)	
a - Vay dài hạn	-	-	
+Vay dài hạn ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM			

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Trái phiếu phát hành		
b - Nợ dài hạn	72.325.976	185.570.860
+Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính VILC	72.325.976	185.570.860

Cộng	72.325.976	185.570.860
-------------	-------------------	--------------------

c - Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay (Quý III/2012)			Năm trước (Quý III/2011)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	338.028.169	13.665.236	324.362.933	370.771.353	57.436.660	313.334.693
Trên 5 năm						

20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** Số cuối quý III/2012 Số đầu quý (30/06/2012)
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
 - Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

- b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả** Số cuối quý III/2012 Số đầu quý (30/06/2012)
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
 - Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

21 - Vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	NV đầu tư XDCVB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000		1.959.513.585		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm trước								
-Lãi trong năm trước								
-Tăng khác								
-Giảm vốn trong năm trước								
-Lỗ trong năm trước			12.960.478.073					
-Giảm khác								

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27.482.700.000	(11.000.964.488)		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm nay							
-Lãi trong năm nay							
-Tăng khác							
-Giảm vốn trong năm nay							
-Lỗ trong năm nay		9.094.993.701					
-Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000	(20.095.958.189)		2.027.762.786	1.134.499.474		

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
 - Vốn góp của các cổ đông
- (Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

Cộng

Số cuối quý III/2012

Số đầu quý (30/06/2012)

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Số cuối quý III/2012

Số đầu quý (30/06/2012)

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ - Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

Số cuối quý III/2012

Số đầu quý (30/06/2012)

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

2.748.270

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

(10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)

e - Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Số cuối quý III/2012

Số đầu quý (30/06/2012)

2.027.762.786

2.027.762.786

1.134.499.474

1.134.499.474

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (QIII/2012)</u>	<u>Năm trước (QIII/2011)</u>
22 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)	8.070.326.980	21.646.493.266
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	8.070.326.980	21.646.493.266
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	8.070.326.980	21.646.493.266
23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Mã số 02)	Năm nay (QIII/2012)	Năm trước (QIII/2011)
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
24 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 10)	Năm nay (QIII/2012)	Năm trước (QIII/2011)
Trong đó		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	8.070.326.980	21.646.493.266
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
Cộng	8.070.326.980	21.646.493.266
25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)	Năm nay (QIII/2012)	Năm trước (QIII/2011)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.653.417.490	22.665.048.307
Cộng	8.653.417.490	22.665.048.307
26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)	Năm nay (QIII/2012)	Năm trước (QIII/2011)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.311.273	46.366.312
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	339.842.500	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Chiết khấu thanh toán được hưởng		
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán		
- Doanh hoạt động tài chính khác		
Cộng	347.153.773	46.366.312
27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)	Năm nay (QIII/2012)	Năm trước (QIII/2011)
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn NH)		12.519.182
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn NH)	449.316.871	873.618.765
- Chi phí lãi thuê tài chính	13.665.236	57.436.660
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác	100.553.425	21.294.795
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	563.535.532	964.869.402
28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (Mã số 51)	Năm nay (QIII/2012)	Năm trước (QIII/2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1.453.506.833	-1.286.936.741
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-1.453.506.833	-1.286.936.741
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)		
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-1.453.506.833	-1.286.936.741

Ghi chú :

-Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.

-Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%

-Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.

29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012**Năm nay (30/09/2012)**

1 -Lợi nhuận năm 2011 còn lại chưa phân phối	-11.000.964.488
2 -Lợi nhuận kinh doanh quý I+II năm 2012	-7.641.486.868
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý III năm 2012	-1.453.506.833
4 -Tổng lợi nhuận đến 30/06/2012 (=1+2+3)	-20.095.958.189
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	0
+Chi phí khác	
+Trích lập các quỹ	0
-Quỹ dự phòng tài chính (5%)	
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	
-Quỹ đầu tư phát triển (10%)	
-Lợi nhuận còn lại đến 31/03/2012	-20.095.958.189

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**Năm nay (QIII/2012)****Năm trước (QIII/2011)**

-Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-1.453.506.833	-1.286.936.741
-Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-529	-468

31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố**Năm nay (QIII/2012)****Năm trước (QIII/2011)**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.998.761.342	19.483.173.468
- Chi phí nhân công	679.233.666	1.065.368.950
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.458.827	766.241.447
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.070.226	841.189.456
- Chi phí khác bằng tiền	1.015.549.439	2.038.554.832

Cộng**8.673.073.500****24.194.528.153****VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- 32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 30/09/2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 17/10/2012.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày 17 tháng 10 năm 2012

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Văn Vàng

Vũ Xuân Mạch



Phạm Văn Tiến

Số : 64...../2012/CV-HHLA

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
Sau thuế Quý III/2012 so với Q1II/2011)

Long An, ngày 17 tháng 10 năm 2012

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên tổ chức niêm yết : Công Ty Cổ Phần Hồng Hà – Long An
- Tên giao dịch : Công Ty Cổ Phần Hồng Hà – Long An
- Trụ sở chính : KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
- Điện thoại : (072) 3849 933 – 34 Fax : (072) 3849 931
- Mã chứng khoán : HHL
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng.

NỘI DUNG GIẢI TRÌNH

STT	CHỈ TIÊU	Quý III/2012	Quý III/2011	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
01	-Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1.453.506.833	-1.286.936.741	-166.570.092	-11,29%

Lý do chênh lệch:

- Quý III/2012 thị trường bê tông tươi tại Long An hiện nay vẫn đang gặp nhiều khó khăn do suy giảm đầu tư, cạnh tranh gay gắt với các công ty khác cùng ngành nghề nên giảm sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Doanh thu quý III/2012 chỉ bằng 37,28% doanh thu quý III/2011. Trong khi một số định phí (như khấu hao TSCĐ, lãi vay thuê tài chính, lãi vay Ngân hàng.....) hàng tháng vẫn phải gánh chịu, đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến KQSXKD của quý III/2012.
- Để duy trì thị trường tiêu thụ cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành nghề trong địa bàn. Khi giá xăng dầu điều chỉnh tăng giá, vật liệu tăng giá, chi phí đầu vào tăng nhưng Công ty chưa điều chỉnh giá bán tăng tương ứng làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD.
- Tình hình thu hồi Công nợ của các khách hàng mua bê tông không thuận lợi, các khách hàng không thanh toán tiền hàng đúng kỳ hạn. Trong khi đó doanh nghiệp phải vay vốn lưu động Ngân hàng, chi phí tài chính tăng cao làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An gửi công văn này báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết. Công ty xin cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình trên.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào



Phạm Văn Tiến